

**CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN
DABACO VIỆT NAM**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 514/DBC-VP HĐQT
V/v: CBTT giao dịch với bên
liên quan và báo cáo hoạt động
của HĐQT, BKS công ty

Bắc Ninh, ngày 31 tháng 12 năm 2025

**Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM**

Công ty Cổ phần Tập đoàn Dabaco Việt Nam công bố thông tin các giao dịch với bên liên quan trong Báo cáo tình hình quản trị công ty và nội dung thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Hội đồng quản trị (HĐQT), từng thành viên HĐQT, Ban kiểm soát (BKS) và từng thành viên BKS trong Báo cáo hoạt động của HĐQT, BKS tại ĐHĐCĐ thường niên, như sau:

1. Các giao dịch với bên liên quan là các công ty con (giao dịch Phân bổ chi phí sử dụng tài sản, Lãi vay phân bổ, Lãi cho vay, Cho vay, Góp vốn, Lợi nhuận được chia, Điều chuyển tài sản cho công ty con, Cho vay dài hạn) trong Báo cáo tình hình quản trị công ty 06 tháng đầu năm 2023, 2024, 2025 và năm 2023, 2024, cả năm 2024 (*Phụ lục 01, 02, 03, 04, 05 đính kèm*).

2. Báo cáo hoạt động của HĐQT tại Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên:

2.1. Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2023:

- Về các giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên HĐQT và những người có liên quan của thành viên đó; Giao dịch giữa công ty với công ty trong đó thành viên HĐQT là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch theo quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP:

Ngày 15/11/2022, Công ty cổ phần Tập đoàn Dabaco Việt Nam nhận chuyển nhượng 900.000 cổ phần, trị giá 9.000.000.000 đồng của ông Nguyễn Như So (Chủ tịch HĐQT) tại Công ty cổ phần chế biến thực phẩm Dabaco (Căn cứ Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐQT ngày 05/01/2022, Quyết định số 668/QĐ-HĐQT ngày 15/11/2022 và được trình bày trong báo cáo tình hình quản trị công ty năm 2022).

- Thu nhập của các thành viên HĐQT năm 2022 đã được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán là: 6.785.184.000 đồng, trong đó:

+ Ông Nguyễn Như So – Chủ tịch HĐQT: 1.877.296.000 đồng

+ Ông Nguyễn Khắc Thảo – Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc: 1.302.296.000 đồng

+ Bà Nguyễn Thị Thu Hương – Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc: 1.022.296.000 đồng

+ Ông Nguyễn Thế Tường – Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc: 1.022.296.000 đồng

+ Ông Nguyễn Hoàng Nguyên – Thành viên HĐQT: 240.000.000 đồng

+ Ông Lê Quốc Đoàn – Thành viên HĐQT: 240.000.000 đồng

+ Bà Nguyễn Thanh Hương – Thành viên HĐQT: 360.000.000 đồng

+ Ông Hoàng Nguyên Học – Thành viên HĐQT: 360.000.000 đồng

+ Ông Bùi Văn Hoan – Thành viên HĐQT: 361.000.000 đồng

2.2. Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2024:

- Về các giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên HĐQT và những người có liên quan của thành viên đó; Giao dịch giữa công ty với công ty trong đó thành viên HĐQT là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch theo quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP: Năm 2023, Công ty không có các giao dịch này.

- Thu nhập của các thành viên HĐQT năm 2023 đã được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán là: 6.745.156.481 đồng, trong đó:

+ Ông Nguyễn Như So – Chủ tịch HĐQT: 1.933.309.000 đồng

+ Ông Nguyễn Khắc Thảo – Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc: 1.330.309.000 đồng

+ Bà Nguyễn Thị Thu Hương – Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc: 848.309.000 đồng

+ Ông Nguyễn Thế Tường – Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc: 848.309.000 đồng

+ Ông Nguyễn Hoàng Nguyên – Thành viên HĐQT: 521.704.000 đồng

+ Ông Lê Quốc Đoàn – Thành viên HĐQT: 542.216.481 đồng

+ Bà Nguyễn Thanh Hương – Thành viên HĐQT: 240.000.000 đồng

+ Ông Hoàng Nguyên Học – Thành viên HĐQT: 240.000.000 đồng

+ Ông Bùi Văn Hoan – Thành viên HĐQT: 241.000.000 đồng

2.3. Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2025:

- Về các giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên HĐQT và những người có liên quan của thành viên đó; Giao dịch giữa công ty với công ty trong đó thành viên HĐQT là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch theo quy định tại khoản 1

và khoản 3 Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP: Năm 2024, Công ty không có các giao dịch này.

- Thu nhập của các thành viên HĐQT năm 2024 đã được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán là: 10.042.650.000 đồng, trong đó:

+ Ông Nguyễn Như So – Chủ tịch HĐQT: 2.729.701.000 đồng

+ Ông Nguyễn Khắc Thảo – Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc: 1.784.700.000 đồng

+ Bà Nguyễn Thị Thu Hương – Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc: 1.329.700.000 đồng

+ Ông Nguyễn Thế Tường – Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc: 1.329.700.000 đồng

+ Ông Nguyễn Hoàng Nguyên – Thành viên HĐQT: 945.000.000 đồng

+ Ông Lê Quốc Đoàn – Thành viên HĐQT: 963.849.000 đồng

+ Bà Nguyễn Thanh Hương – Thành viên HĐQT: 320.000.000 đồng

+ Ông Hoàng Nguyên Học – Thành viên HĐQT: 320.000.000 đồng

+ Ông Bùi Văn Hoan – Thành viên HĐQT: 320.000.000 đồng

3. Báo cáo hoạt động của BKS tại Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên:

3.1. Báo cáo hoạt động của BKS năm 2023:

- Về các giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc, người điều hành khác của công ty và những người có liên quan của thành viên đó; Giao dịch giữa công ty với công ty trong đó thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc, người điều hành khác của công ty là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch theo quy định tại khoản 3 Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP:

Ngày 15/11/2022, Công ty cổ phần Tập đoàn Dabaco Việt Nam nhận chuyển nhượng 900.000 cổ phần, trị giá 9.000.000.000 đồng của ông Nguyễn Như So (Chủ tịch HĐQT) tại Công ty cổ phần chế biến thực phẩm Dabaco (Căn cứ Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐQT ngày 05/01/2022, Quyết định số 668/QĐ-HĐQT ngày 15/11/2022 và được trình bày trong báo cáo tình hình quản trị công ty năm 2022).

- Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát năm 2022 đã được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán là: 1.050.819.000 đồng, trong đó:

+ Ông Hồ Sỹ Quý – Trưởng Ban kiểm soát: 449.901.000 đồng

+ Ông Nguyễn Thanh Hà – Thành viên BKS: 126.282.000 đồng

+ Bà Nguyễn Thị Bích – Thành viên BKS: 474.636.000 đồng

3.2. Báo cáo hoạt động của BKS năm 2024:

- Về các giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc, người điều hành khác của công ty và những người có liên quan của thành viên đó; Giao dịch giữa công ty với công ty trong đó thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc, người điều hành khác của công ty là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch theo quy định tại khoản 3 Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP: Năm 2023, công ty không có các giao dịch này.

- Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát năm 2023 đã được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán là: 844.960.000 đồng, trong đó:

+ Ông Hồ Sỹ Quý – Trưởng Ban kiểm soát: 406.180.000 đồng

+ Bà Nguyễn Thị Bích – Thành viên BKS: 438.780.000 đồng

3.3. Báo cáo hoạt động của BKS năm 2025:

- Về các giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc, người điều hành khác của công ty và những người có liên quan của thành viên đó; Giao dịch giữa công ty với công ty trong đó thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc, người điều hành khác của công ty là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch theo quy định tại khoản 3 Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP: Năm 2024, không có các giao dịch này.

- Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát năm 2024 đã được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán là: 966.025.000 đồng, trong đó:

+ Ông Hồ Sỹ Quý – Trưởng Ban kiểm soát: 477.110.000 đồng

+ Bà Nguyễn Thị Bích – Thành viên BKS: 488.915.000 đồng

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu: VPHĐQT, VT.

ĐẠI DIỆN DOANH NGHIỆP



TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Khắc Thảo

**Phụ lục 01: GIAO DỊCH GIỮA CÔNG TY VỚI NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA CÔNG TY; HOẶC GIỮA CÔNG TY VỚI CỔ ĐÔNG LỚN,
NGƯỜI NỘI BỘ, NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ (6 THÁNG NĂM 2023)**

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết/Quyết định của HĐQT/HĐQT thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành)	Tổng giá trị giao dịch mua bán hàng hóa/dịch vụ (đồng)	Tổng giá trị giao dịch phân bổ lãi vay (đồng)	Tổng giá trị phân bổ chi phí sử dụng tài sản (đồng)	Tổng giá trị lợi nhuận được chia (đồng)	Tổng giá trị giao dịch góp vốn (đồng)	Ghi chú
1	Công ty TNHH Nutreco	Công ty con	2023	Số 01/2023/NQ-HĐQT ngày 02/01/2023	666.849.665.232	3.418.198.630	10.638.332.034	98.160.938.155		Ông Hoàng Văn Chung - Phó TGD DBC làm Giám đốc
2	Công ty TNHH TACN Nasaco Hà Nam	Công ty con	2023	Số 01/2023/NQ-HĐQT ngày 02/01/2023	337.578.371.303	72.505.666	2.516.393.820	10.983.832.845		
3	Công ty TNHH Dabaco Bình Phước	Công ty con	2023	Số 01/2023/NQ-HĐQT ngày 02/01/2023		4.279.115.149	3.401.564.922			
4	Công ty TNHH Dầu thực vật Dabaco	Công ty con	2023	Số 01/2023/NQ-HĐQT ngày 02/01/2023	1.709.170.382.880	4.412.584.741	4.889.270.646	55.879.898.621		
5	Công ty TNHH giống Hạt nhân Dabaco	Công ty con	2023	Số 01/2023/NQ-HĐQT ngày 02/01/2023	163.985.400.700		201.874.998			
6	Công ty TNHH MTV Lợn giống Lạc Vê	Công ty con	2023	Số 01/2023/NQ-HĐQT ngày 02/01/2023	19.061.646.100		156.400.002			
7	Công ty TNHH Lợn giống Dabaco Lương Tài	Công ty con	2023	Số 01/2023/NQ-HĐQT ngày 02/01/2023	58.623.680.900		2.781.805.452			
8	Công ty TNHH Lợn giống Dabaco Hà Nam	Công ty con	2023	Số 01/2023/NQ-HĐQT ngày 02/01/2023	66.992.407.000		138.720.000			

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết/Quyết định của ĐHĐCĐ/HĐQT thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành)	Tổng giá trị giao dịch mua bán hàng hóa/dịch vụ (đồng)	Tổng giá trị giao dịch phân bổ lãi vay (đồng)	Tổng giá trị phân bổ chi phí sử dụng tài sản (đồng)	Tổng giá trị lợi nhuận được chia (đồng)	Tổng giá trị giao dịch góp vốn (đồng)	Ghi chú
9	Công ty TNHH Lợn giống Dabaco Hải Phòng	Công ty con	2023	Số 01/2023/NQ-HĐQT ngày 02/01/2023	37.838.442.300		212.142.426			
10	Công ty TNHH Lợn giống Dabaco Phú Thọ	Công ty con	2023	Số 01/2023/NQ-HĐQT ngày 02/01/2023	57.852.235.700	305.802.824	10.940.032.530			
11	Công ty TNHH Dabaco Tuyên Quang	Công ty con	2023	Số 01/2023/NQ-HĐQT ngày 02/01/2023	97.123.754.700	2.656.800.030				
12	Công ty TNHH MTV Gà giống Dabaco	Công ty con	2023	Số 01/2023/NQ-HĐQT ngày 02/01/2023	107.154.552.492	155.768.172	17.444.725.513			Ông Nguyễn Hoàng Nguyễn - TV HĐQT DBC làm Giám đốc
13	Công ty TNHH Đầu tư Phát triển chăn nuôi lợn Dabaco	Công ty con	2023	Số 01/2023/NQ-HĐQT ngày 02/01/2023	430.851.864.700					Ông Lê Quốc Đoàn - TV HĐQT DBC làm Giám đốc
14	Công ty TNHH Dabaco Thanh Hóa	Công ty con	2023	Số 01/2023/NQ-HĐQT ngày 02/01/2023	112.572.881.237				100.000.000.000	
15	Công ty TNHH Đầu tư & Phát triển chăn nuôi gia công	Công ty con	2023	Số 01/2023/NQ-HĐQT ngày 02/01/2023	130.918.960.600		6.301.550.046			
16	Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Hiệp Quang	Công ty con	2023	Số 01/2023/NQ-HĐQT ngày 02/01/2023	25.674.657.893	490.429.286		12.277.016.182		

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết/Quyết định của HĐQT/HĐQT thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành)	Tổng giá trị giao dịch mua bán hàng hóa/dịch vụ (đồng)	Tổng giá trị giao dịch phân bổ tài vay (đồng)	Tổng giá trị phân bổ chi phí sử dụng tài sản (đồng)	Tổng giá trị lợi nhuận được chia (đồng)	Tổng giá trị giao dịch góp vốn (đồng)	Ghi chú
17	Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại Bắc Ninh	Công ty con	2023	Số 01/2023/NQ-HĐQT ngày 02/01/2023	154.215.919.526	2.928.804.874	6.429.126.684			
18	Công ty TNHH Đầu tư xây dựng & Phát triển hạ tầng Dabaco	Công ty con	2023	Số 01/2023/NQ-HĐQT ngày 02/01/2023	34.761.993.827	73.561.061	1.168.105.314	8.836.737.574		
19	Công ty TNHH thực ăn chăn nuôi Dabaco Bình Phước	Công ty con	2023	Số 01/2023/NQ-HĐQT ngày 02/01/2023	8.999.360.569	3.108.433.738		2.574.846.573		
20	Công ty cổ phần Transeco	Công ty liên kết	2023	Số 01/2023/NQ-HĐQT ngày 02/01/2023			451.876.894	2.000.000.000		Giám đốc là người có liên quan của Chủ tịch HĐQT DBC
21	Công ty TNHH Du lịch & Khách sạn Le Indochina	Công ty con	2023	Số 01/2023/NQ-HĐQT ngày 02/01/2023			1.435.312.824			
22	Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Cụm công nghiệp Khúc Xuyên	Công ty con	2023	Số 01/2023/NQ-HĐQT ngày 02/01/2023				5.735.076.969		Ông Lê Minh Tuấn - Phó TGD DBC làm Giám đốc
23	Công ty TNHH phân bón hữu cơ Việt Nhật	Công ty con	2023	Số 01/2023/NQ-HĐQT ngày 02/01/2023			2.716.096.050			
24	Công ty TNHH Đầu tư xây dựng đường H2 thành phố Bắc Ninh	Công ty con	2023	Số 01/2023/NQ-HĐQT ngày 02/01/2023					13.350.672.132	Ông Lê Minh Tuấn - Phó TGD DBC làm Giám đốc

**Phụ lục 02: GIAO DỊCH GIỮA CÔNG TY VỚI NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA CÔNG TY; HOẶC GIỮA CÔNG TY VỚI CÒ ĐÔNG LỚN,
NGƯỜI NỘI BỘ, NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ (NĂM 2023)**

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ hiện quan với công ty	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết/Quyết định của HĐQT/HĐQT thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành)	Tổng giá trị giao dịch mua bán hàng hóa/dịch vụ (đồng)	Tổng giá trị giao dịch phân bổ lãi vay (đồng)	Tổng giá trị phân bổ chi phí sử dụng tài sản (đồng)	Tổng giá trị lợi nhuận được chia (đồng)	Tổng giá trị điều chuyển tài sản (đồng)	Tổng giá trị giao dịch góp vốn (đồng)	Tổng giá trị giao dịch cho vay (đồng)	Ghi chú
1	Công ty TNHH Natraco	Công ty con	2023	Số 01/2023/NQ-HĐQT ngày 02/01/2023	1.469.670.089.656	3.636.828.767	16.025.539.246	98.160.938.155				Ông Hoàng Văn Chung - Phó TGĐ DBC làm Giám đốc
2	Công ty TNHH TACN Nasaco Hà Nam	Công ty con	2023	Số 01/2023/NQ-HĐQT ngày 02/01/2023	687.930.735.661	74.096.141	4.847.293.581	10.983.832.845				
3	Công ty TNHH Dabaco Bình Phước	Công ty con	2023	Số 01/2023/NQ-HĐQT ngày 02/01/2023	2.890.087.200	7.258.365.806	6.793.085.392					
4	Công ty TNHH Dầu thực vật Dabaco	Công ty con	2023	Số 01/2023/NQ-HĐQT ngày 02/01/2023	3.382.115.879.420	5.402.211.655	9.778.541.292	55.879.898.621			41.000.000.000	
5	Công ty TNHH Lợn giống Hạt nhân Dabaco	Công ty con	2023	Số 01/2023/NQ-HĐQT ngày 02/01/2023	333.876.524.412		403.749.996		12.743.187.545			
6	Công ty TNHH MTV Lợn giống Lạc Vê	Công ty con	2023	Số 01/2023/NQ-HĐQT ngày 02/01/2023	66.560.068.800		312.800.004					
7	Công ty TNHH Lợn giống Dabaco Lương Tài	Công ty con	2023	Số 01/2023/NQ-HĐQT ngày 02/01/2023	107.867.301.890		5.563.610.904					
8	Công ty TNHH Lợn giống Dabaco Hà Nam	Công ty con	2023	Số 01/2023/NQ-HĐQT ngày 02/01/2023	210.898.496.590		277.440.000		34.698.248.545			
9	Công ty TNHH Lợn giống Dabaco Hải Phòng	Công ty con	2023	Số 01/2023/NQ-HĐQT ngày 02/01/2023	102.763.276.240		424.284.852					
10	Công ty TNHH Lợn giống Dabaco Phú Thọ	Công ty con	2023	Số 01/2023/NQ-HĐQT ngày 02/01/2023	197.388.580.040	2.181.946.696	25.442.140.591					

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết/Quyết định của HĐQT/HĐQT thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành)	Tổng giá trị giao dịch mua bán hàng hóa/dịch vụ (đồng)	Tổng giá trị giao dịch phân bổ lãi vay (đồng)	Tổng giá trị phân bổ chi phí sử dụng tài sản (đồng)	Tổng giá trị lợi nhuận được chia (đồng)	Tổng giá trị điều chuyển tài sản (đồng)	Tổng giá trị giao dịch góp vốn (đồng)	Tổng giá trị giao dịch cho vay (đồng)	Ghi chú
11	Công ty TNHH Dabaco Tuyên Quang	Công ty con	2023	Số 01/2023/NQ-HĐQT ngày 02/01/2023	170.502.003.600	3.078.309.239	209.865.140		42.066.707.062			Ông Nguyễn Hoàng Nguyên - TV HĐQT DBC làm Giám đốc
12	Công ty TNHH MTV Gà giống Dabaco	Công ty con	2023	Số 01/2023/NQ-HĐQT ngày 02/01/2023	179.231.886.657	221.955.508	34.564.145.928					Ông Lê Quốc Đoàn - TV HĐQT DBC làm Giám đốc
13	Công ty TNHH Đầu tư Phát triển chăn nuôi lợn Dabaco	Công ty con	2023	Số 01/2023/NQ-HĐQT ngày 02/01/2023	1.014.573.997.270							Quốc Đoàn - TV HĐQT DBC làm Giám đốc
14	Công ty TNHH Dabaco Thanh Hóa	Công ty con	2023	Số 01/2023/NQ-HĐQT ngày 02/01/2023	260.622.999.617	8.364.334.028	18.651.633.873			100.000.000.000		
15	Công ty TNHH Đầu tư & Phát triển chăn nuôi gia công	Công ty con	2023	Số 01/2023/NQ-HĐQT ngày 02/01/2023	257.582.452.700		12.450.674.923		683.378.182			
16	Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Hiệp Quang	Công ty con	2023	Số 01/2023/NQ-HĐQT ngày 02/01/2023	61.990.915.255	490.429.286		12.277.016.182				
17	Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại Bắc Ninh	Công ty con	2023	Số 01/2023/NQ-HĐQT ngày 02/01/2023	188.133.902.296	4.685.311.593	12.858.253.368					
18	Công ty TNHH Đầu tư xây dựng & Phát triển hạ tầng Dabaco	Công ty con	2023	Số 01/2023/NQ-HĐQT ngày 02/01/2023	49.325.087.708	114.030.007	1.474.887.030	8.836.737.574	12.653.908.445			
19	Công ty TNHH thực ăn chăn nuôi Dabaco Bình Phước	Công ty con	2023	Số 01/2023/NQ-HĐQT ngày 02/01/2023	17.140.375.970	5.018.555.295		2.574.846.573				Giám đốc là người có liên quan của Chủ tịch
20	Công ty cổ phần Transco	Công ty liên kết	2023	Số 01/2023/NQ-HĐQT ngày 02/01/2023	37.426.578.904		451.876.894	2.000.000.000				HĐQT DBC

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết/Quyết định của HĐQT/HĐQT thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành)	Tổng giá trị giao dịch mua bán hàng hóa/dịch vụ (đồng)	Tổng giá trị giao dịch phân bổ lãi vay (đồng)	Tổng giá trị phân bổ chi phí sử dụng tài sản (đồng)	Tổng giá trị lợi nhuận được chia (đồng)	Tổng giá trị điều chuyển tài sản (đồng)	Tổng giá trị giao dịch góp vốn (đồng)	Tổng giá trị giao dịch cho vay (đồng)	Chú chú
21	Công ty TNHH Du lịch & Khách sạn Le Indochina	Công ty con	2023	Số 01/2023/NQ-HĐQT ngày 02/01/2023			4.589.160.036					Ông Lê Minh Tuấn - Phó TGĐ DBC làm Giám đốc
22	Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Cụm công nghiệp Khúc Xuyên	Công ty con	2023	Số 01/2023/NQ-HĐQT ngày 02/01/2023				5.735.076.969				Ông Lê Minh Tuấn - Phó TGĐ DBC làm Giám đốc
23	Công ty TNHH phân bón hữu cơ Việt Nhật	Công ty con	2023	Số 01/2023/NQ-HĐQT ngày 02/01/2023			5.453.997.678					Ông Lê Minh Tuấn - Phó TGĐ DBC làm Giám đốc
24	Công ty TNHH Đầu tư xây dựng đường H2 thành phố Bắc Ninh	Công ty con	2023	Số 01/2023/NQ-HĐQT ngày 02/01/2023								

Phụ lục 03: GIAO DỊCH GIỮA CÔNG TY VỚI NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA CÔNG TY; HOẶC GIỮA CÔNG TY VỚI CỔ ĐÔNG LỚN,
NGƯỜI NỘI BỘ, NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ (6 THÁNG NĂM 2024)

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết/Quyết định của HĐQT/HĐQT thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành)	Tổng giá trị giao dịch mua bán hàng hóa/dịch vụ (đồng)	Tổng giá trị giao dịch phân bổ lãi vay (đồng)	Tổng giá trị phân bổ chi phí sử dụng tài sản (đồng)	Tổng giá trị lợi nhuận được chia (đồng)	Tổng giá trị giao dịch góp vốn (đồng)	Tổng giá trị giao dịch cho vay (đồng)	Ghi chú
1	Công ty TNHH Nutreco	Công ty con	2024	Số 06/2023/NQ-HĐQT ngày 29/12/2023	568.242.964.889		4.359.492.426	54.142.435.020			Ông Hoàng Văn Chung - Phó TGD DBC làm Giám đốc
2	Công ty TNHH TACN Nasaco Hà Nam	Công ty con	2024	Số 06/2023/NQ-HĐQT ngày 29/12/2023	420.175.813.913		2.492.798.682	11.010.029.202			
3	Công ty TNHH Dabaco Bình Phước	Công ty con	2024	Số 06/2023/NQ-HĐQT ngày 29/12/2023	3.701.543.040	1.810.843.674	3.348.837.800				
4	Công ty TNHH Dầu thực vật Dabaco	Công ty con	2024	Số 06/2023/NQ-HĐQT ngày 29/12/2023	1.787.066.640.329	594.085.827	4.889.270.646			207.000.000.000	
5	Công ty TNHH Lớn giống Hạt nhân Dabaco	Công ty con	2024	Số 06/2023/NQ-HĐQT ngày 29/12/2023	125.783.819.140		201.874.998				
6	Công ty TNHH MTV Lớn giống Lạc Vê	Công ty con	2024	Số 06/2023/NQ-HĐQT ngày 29/12/2023	59.182.393.400		156.400.002				
7	Công ty TNHH Lớn giống Dabaco Lương Tài	Công ty con	2024	Số 06/2023/NQ-HĐQT ngày 29/12/2023	63.091.583.500		2.781.805.452				

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết/Quyết định của HĐQT/HDQ (nếu có, nếu rõ ngày ban hành)	Tổng giá trị giao dịch mua bán hàng hóa/dịch vụ (đồng)	Tổng giá trị giao dịch phân bổ lãi vay (đồng)	Tổng giá trị phân bổ chi phí sử dụng tài sản (đồng)	Tổng giá trị lợi nhuận được chia (đồng)	Tổng giá trị giao dịch góp vốn (đồng)	Tổng giá trị giao dịch cho vay (đồng)	Ghi chú
8	Công ty TNHH Lợn giòng Dabaco Hà Nam	Công ty con	2024	Số 06/2023/NQ-HDQT ngày 29/12/2023	64.172.411.400		138.720.000				
9	Công ty TNHH Lợn giòng Dabaco Hải Phòng	Công ty con	2024	Số 06/2023/NQ-HDQT ngày 29/12/2023	70.738.380.050		212.142.426				
10	Công ty TNHH Lợn giòng Dabaco Phú Thọ	Công ty con	2024	Số 06/2023/NQ-HDQT ngày 29/12/2023	148.505.517.500	2.696.745.359	20.616.824.811				
11	Công ty TNHH Dabaco Tuyên Quang	Công ty con	2024	Số 06/2023/NQ-HDQT ngày 29/12/2023	78.754.566.600	281.825.581	629.620.611	3.731.954.304			Ông Nguyễn Hoàng Nguyễn - TV HĐQT DBC làm Giám đốc
12	Công ty TNHH MTV Gà giòng Dabaco	Công ty con	2024	Số 06/2023/NQ-HDQT ngày 29/12/2023	61.109.597.325	11.624.995	15.957.839.678				Ông Lê Quốc Đoàn - TV HĐQT DBC làm Giám đốc
13	Công ty TNHH Đầu tư Phát triển chăn nuôi lợn Dabaco	Công ty con	2024	Số 06/2023/NQ-HDQT ngày 29/12/2023	498.052.626.700						
14	Công ty TNHH Dabaco Thanh Hóa	Công ty con	2024	Số 06/2023/NQ-HDQT ngày 29/12/2023	311.485.876.700	16.524.685.879	38.760.852.921				

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết/Quyết định của HĐQT/HĐQT thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành)	Tổng giá trị giao dịch mua bán hàng hóa/dịch vụ (đồng)	Tổng giá trị giao dịch phân bổ lãi vay (đồng)	Tổng giá trị phân bổ chi phí sử dụng tài sản (đồng)	Tổng giá trị lợi nhuận được chia (đồng)	Tổng giá trị giao dịch góp vốn (đồng)	Tổng giá trị giao dịch cho vay (đồng)	Ghi chú
15	Công ty TNHH Dầu tư & Phát triển chăn nuôi gia công	Công ty con	2024	Số 06/2023/NQ-HĐQT ngày 29/12/2023	115.021.643.800		6.570.693.235				
16	Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Hiệp Quang	Công ty con	2024	Số 06/2023/NQ-HĐQT ngày 29/12/2023	34.313.042.851			5.133.012.874			
17	Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại Bắc Ninh	Công ty con	2024	Số 06/2023/NQ-HĐQT ngày 29/12/2023	4.058.448.261	1.708.672.055	6.429.126.684				
18	Công ty TNHH Cảng & Logistics Tân Chi	Công ty con	2024	Số 06/2023/NQ-HĐQT ngày 29/12/2023	13.944.117.953	9.706.686	306.781.716	4.227.231.734			
19	Công ty TNHH thực ăn chăn nuôi Dabaco Bình Phước	Công ty con	2024	Số 06/2023/NQ-HĐQT ngày 29/12/2023	10.115.456.005	979.128.084					
20	Công ty cổ phần Transco	Công ty liên kết	2024	Số 06/2023/NQ-HĐQT ngày 29/12/2023	33.640.943.164			2.000.000.000			Giám đốc là người có liên quan của Chủ tịch HĐQT DBC
21	Công ty TNHH Du lịch & Khách sạn Le Indochina	Công ty con	2024	Số 06/2023/NQ-HĐQT ngày 29/12/2023		17.756.495.934	2.294.580.012		26.907.454.091		

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết/Quyết định của DHD/CD/HDQ T thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành)	Tổng giá trị giao dịch mua bán hàng hóa/dịch vụ (đồng)	Tổng giá trị giao dịch phân bổ lãi vay (đồng)	Tổng giá trị phân bổ chi phí sử dụng tài sản (đồng)	Tổng giá trị lợi nhuận được chia (đồng)	Tổng giá trị giao dịch góp vốn (đồng)	Tổng giá trị giao dịch cho vay (đồng)	Ghi chú
22	Công ty TNHH Dầu tư và Phát triển Cum công nghiệp Khúc Xuyên	Công ty con	2024	Số 06/2023/NQ-HDQT ngày 29/12/2023			747.215.296				Ông Lê Minh Tuấn - Phó TGD DBC làm Giám đốc
23	Công ty TNHH phân bón hữu cơ Việt Nhất	Công ty con	2024	Số 06/2023/NQ-HDQT ngày 29/12/2023			2.097.594.459	1.085.837.969	35.044.615.898		Ông Lê Minh Tuấn - Phó TGD DBC làm Giám đốc
24	Công ty TNHH Dầu tư xây dựng đường H2 thành phố Bắc Ninh	Công ty con	2024	Số 06/2023/NQ-HDQT ngày 29/12/2023							Ông Đỗ Viết Quân - Phó TGD DBC làm Giám đốc
25	Công ty cổ phần Dabaco Quảng Ninh	Công ty con	2024	Số 06/2023/NQ-HDQT ngày 29/12/2023					99.000.000.000		Ông Đỗ Viết Quân - Phó TGD DBC làm Giám đốc
26	Công ty TNHH Dược và Thú y Dacovet	Công ty con	2024	Số 06/2023/NQ-HDQT ngày 29/12/2023					50.000.000.000		

Phụ lục 04: GIAO DỊCH GIỮA CÔNG TY VỚI NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA CÔNG TY; HOẶC GIỮA CÔNG TY VỚI CỔ ĐÔNG LỚN,
NGƯỜI NỘI BỘ, NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ (NĂM 2024)

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết/Quyết định của HĐQT/HDQT thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành)	Tổng giá trị giao dịch mua bán hàng hóa/dịch vụ (đồng)	Tổng giá trị giao dịch phân bổ lãi vay (đồng)	Tổng giá trị giao dịch lãi cho vay (đồng)	Tổng giá trị phân bổ chi phí sử dụng tài sản (đồng)	Tổng giá trị lợi nhuận được chia (đồng)	Tổng giá trị điều chuyển tài sản (đồng)	Tổng giá trị giao dịch góp vốn (đồng)	Tổng giá trị giao dịch cho vay (đồng)	Ghi chú
1	Công ty TNHH Nutreco	Công ty con	2024	Số 06/2023/NQ-HDQT ngày 29/12/2023	1.237.048.638.720			8.679.642.378	54.142.435.020				Ông Hoàng Văn Chung - Phó TGĐ DBC làm Giám đốc
2	Công ty TNHH TACN Nasaco Hà Nam	Công ty con	2024	Số 06/2023/NQ-HDQT ngày 29/12/2023	915.368.472.753			5.018.819.694	11.010.029.202				
3	Công ty TNHH Dabaco Bình Phước	Công ty con	2024	Số 06/2023/NQ-HDQT ngày 29/12/2023	3.701.543.040	2.947.938.591		6.697.842.266					
4	Công ty TNHH Dầu thực vật Dabaco	Công ty con	2024	Số 06/2023/NQ-HDQT ngày 29/12/2023	3.412.584.041.429	887.490.986		9.778.987.958		645.196.487		207.000.000.000	
5	Công ty TNHH Lợn giống Hạt nhân Dabaco	Công ty con	2024	Số 06/2023/NQ-HDQT ngày 29/12/2023	262.845.408.828			403.749.996					
6	Công ty TNHH MTV Lợn giống Lạc Vệ	Công ty con	2024	Số 06/2023/NQ-HDQT ngày 29/12/2023	115.825.240.900			312.800.004					
7	Công ty TNHH Lợn giống Dabaco Lương Tài	Công ty con	2024	Số 06/2023/NQ-HDQT ngày 29/12/2023	126.640.648.900			5.563.610.904					

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết/Quyết định của HĐQT/HDQT thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành)	Tổng giá trị giao dịch mua bán hàng hóa/dịch vụ (đồng)	Tổng giá trị giao dịch phân bổ lãi vay (đồng)	Tổng giá trị giao dịch lãi cho vay (đồng)	Tổng giá trị phân bổ chi phí sử dụng tài sản (đồng)	Tổng giá trị lợi nhuận được chia (đồng)	Tổng giá trị điều chuyển tài sản (đồng)	Tổng giá trị giao dịch góp vốn (đồng)	Tổng giá trị giao dịch cho vay (đồng)	Ghi chú
8	Công ty TNHH Lợn giống Dabaco Hà Nam	Công ty con	2024	Số 06/2023/NQ-HDQT ngày 29/12/2023	132.339.745.000			277.440.000					
9	Công ty TNHH Lợn giống Dabaco Hải Phòng	Công ty con	2024	Số 06/2023/NQ-HDQT ngày 29/12/2023	119.080.182.950			424.284.852					
10	Công ty TNHH Lợn giống Dabaco Phú Thọ	Công ty con	2024	Số 06/2023/NQ-HDQT ngày 29/12/2023	271.764.055.300	4.807.603.731		38.903.891.457					
11	Công ty TNHH Dabaco Tuyên Quang	Công ty con	2024	Số 06/2023/NQ-HDQT ngày 29/12/2023	243.192.034.600	533.871.243		1.259.266.413	3.731.954.304	3.727.048.627			Ông Nguyễn Hoàng Nguyễn - TV HĐQT DBC làm Giám đốc
12	Công ty TNHH MTV Gà giống Dabaco	Công ty con	2024	Số 06/2023/NQ-HDQT ngày 29/12/2023	116.510.573.750	11.624.995		31.234.272.928					Ông Lê Quốc Đoàn - TV HĐQT DBC làm Giám đốc
13	Công ty TNHH Dầu tư Phát triển chăn nuôi lợn Dabaco	Công ty con	2024	Số 06/2023/NQ-HDQT ngày 29/12/2023	986.556.375.400								
14	Công ty TNHH Dabaco Thanh Hóa	Công ty con	2024	Số 06/2023/NQ-HDQT ngày 29/12/2023	605.059.620.000	32.031.150.607		78.272.225.883					

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết/Quyết định của HĐQT/HDQT thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành)	Tổng giá trị giao dịch mua bán hàng hóa/dịch vụ (đồng)	Tổng giá trị giao dịch phân bổ lãi vay (đồng)	Tổng giá trị giao dịch lãi cho vay (đồng)	Tổng giá trị phân bổ chi phí sử dụng tài sản (đồng)	Tổng giá trị lợi nhuận được chia (đồng)	Tổng giá trị điều chuyển tài sản (đồng)	Tổng giá trị giao dịch góp vốn (đồng)	Tổng giá trị giao dịch cho vay (đồng)	Ghi chú
15	Công ty TNHH Đầu tư & Phát triển chăn nuôi gia công	Công ty con	2024	Số 06/2023/NQ-HDQT ngày 29/12/2023	233.682.188.100			14.461.505.611					
16	Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Hiệp Quang	Công ty con	2024	Số 06/2023/NQ-HDQT ngày 29/12/2023	70.524.172.208			5.133.012.874					
17	Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại mai Bắc Ninh	Công ty con	2024	Số 06/2023/NQ-HDQT ngày 29/12/2023	9.061.741.321	2.885.819.858		12.858.253.368					
18	Công ty TNHH Cảng & Logistics Tân Chi	Công ty con	2024	Số 06/2023/NQ-HDQT ngày 29/12/2023	19.524.416.168	9.706.686		1.354.383.108	4.227.231.734				
19	Công ty TNHH thức ăn chăn nuôi Dabaco Bình Phước	Công ty con	2024	Số 06/2023/NQ-HDQT ngày 29/12/2023	19.574.235.431	1.695.148.944							
20	Công ty cổ phần Transeco	Công ty liên kết	2024	Số 06/2023/NQ-HDQT ngày 29/12/2023	69.377.225.303				2.000.000.000				Giám đốc là người có liên quan của Chủ tịch HĐQT DBC
21	Công ty TNHH Du lịch & Khách sạn Le Indochina	Công ty con	2024	Số 06/2023/NQ-HDQT ngày 29/12/2023			17.756.495.934	4.589.160.024				26.907.454.091	

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết/Quyết định của HĐQT/HDQT thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành)	Tổng giá trị giao dịch mua bán hàng hóa/dịch vụ (đồng)	Tổng giá trị giao dịch phân bổ lãi vay (đồng)	Tổng giá trị giao dịch lãi cho vay (đồng)	Tổng giá trị phân bổ chi phí sử dụng tài sản (đồng)	Tổng giá trị lợi nhuận được chia (đồng)	Tổng giá trị điều chuyển tài sản (đồng)	Tổng giá trị giao dịch góp vốn (đồng)	Tổng giá trị giao dịch cho vay (đồng)	Chí chú
22	Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Khúc Xuyên	Công ty con	2024	Số 06/2023/NQ-HDQT ngày 29/12/2023					747.215.296				Ông Lê Minh Tuấn - Phó TGDĐBC làm Giám đốc
23	Công ty TNHH phân bón hữu cơ Việt Nhật	Công ty con	2024	Số 06/2023/NQ-HDQT ngày 29/12/2023				3.554.881.743	1.085.837.969		35.044.615.898		
24	Công ty TNHH Đầu tư xây dựng đường H2 thành phố Bắc Ninh	Công ty con	2024	Số 06/2023/NQ-HDQT ngày 29/12/2023									Ông Lê Minh Tuấn - Phó TGDĐBC làm Giám đốc
25	Công ty cổ phần Dabaco Quảng Ninh	Công ty con	2024	Số 06/2023/NQ-HDQT ngày 29/12/2023							99.000.000.000		Ông Đỗ Viết Quân - Phó TGDĐBC làm Giám đốc
26	Công ty TNHH Dược và Thú y Ducovel	Công ty con	2024	Số 06/2023/NQ-HDQT ngày 29/12/2023							50.000.000.000		

**Phụ lục 05: GIAO DỊCH GIỮA CÔNG TY VỚI NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA CÔNG TY; HOẶC GIỮA CÔNG TY VỚI CỔ ĐÔNG LỚN,
NGƯỜI NỘI BỘ, NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ (6 THÁNG NĂM 2025)**

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết/Quyết định của HĐQT/HDQT thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành)	Tổng giá trị giao dịch mua bán hàng hóa/dịch vụ (đồng)	Tổng giá trị giao dịch phân bổ lãi vay (đồng)	Tổng giá trị phân bổ chi phí sử dụng tài sản (đồng)	Tổng giá trị lợi nhuận được chia (đồng)	Tổng giá trị điều chuyển tài sản (đồng)	Ghi chú
1	Công ty TNHH Nutreco	Công ty con	2025	Số 01/2025/NQ-HDQT ngày 06/01/2025	668.655.275.804		4.388.139.504	57.939.818.309		Ông Hoàng Văn Chung - Phó TGD DBC làm Giám đốc
2	Công ty TNHH TACN Nasaco Hà Nam	Công ty con	2025	Số 01/2025/NQ-HDQT ngày 06/01/2025	552.233.530.137		2.526.264.828	19.911.927.878		
3	Công ty TNHH Dabaco Bình Phước	Công ty con	2025	Số 01/2025/NQ-HDQT ngày 06/01/2025	1.301.514.240	278.640.792	2.816.903.710		29.272.755.743	
4	Công ty TNHH Dầu thực vật Dabaco	Công ty con	2025	Số 01/2025/NQ-HDQT ngày 06/01/2025	1.398.292.803.732	68.862.981	4.892.860.644	40.787.001.271	4.592.408.962	
5	Công ty TNHH Lạm giồng Hạt nhân Dabaco	Công ty con	2025	Số 01/2025/NQ-HDQT ngày 06/01/2025	159.591.865.180		201.874.998	48.320.842.339		
6	Công ty TNHH MTV Lạm giồng Lạc Vệ	Công ty con	2025	Số 01/2025/NQ-HDQT ngày 06/01/2025	54.585.883.620		156.400.002	4.647.919.314		
7	Công ty TNHH Lạm giồng Dabaco Lương Tài	Công ty con	2025	Số 01/2025/NQ-HDQT ngày 06/01/2025	66.422.072.900		2.525.097.190		7.957.956.069	
8	Công ty TNHH Lạm giồng Dabaco Hà Nam	Công ty con	2025	Số 01/2025/NQ-HDQT ngày 06/01/2025	37.966.081.800		138.720.000			
9	Công ty TNHH Lạm giồng Dabaco Hải Phòng	Công ty con	2025	Số 01/2025/NQ-HDQT ngày 06/01/2025	58.039.761.100		212.142.426			

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết/Quyết định của HĐQT/HĐQT thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành)	Tổng giá trị giao dịch mua bán hàng hóa/dịch vụ (đồng)	Tổng giá trị giao dịch phân bổ lãi vay (đồng)	Tổng giá trị phân bổ chi phí sử dụng tài sản (đồng)	Tổng giá trị lợi nhuận được chia (đồng)	Tổng giá trị điều chuyển tài sản (đồng)	Ghi chú
10	Công ty TNHH Lợn giống Dabaco Phú Thọ	Công ty con	2025	Số 01/2025/NQ-HĐQT ngày 06/01/2025	120.572.058.000	2.432.197.794	20.409.646.174		11.209.987.580	
11	Công ty TNHH Dabaco Tuyên Quang	Công ty con	2025	Số 01/2025/NQ-HĐQT ngày 06/01/2025	157.184.656.500	247.778.455	629.645.796			Ông Nguyễn Hoàng Nguyễn - TV HĐQT DBC làm Giám đốc
12	Công ty TNHH MTV Gà giống Dabaco	Công ty con	2025	Số 01/2025/NQ-HĐQT ngày 06/01/2025	34.769.660.250		15.160.905.415		3.031.828.678	Ông Lê Quốc Đoàn - TV HĐQT DBC làm Giám đốc
13	Công ty TNHH Đầu tư Phát triển chăn nuôi lợn Dabaco	Công ty con	2025	Số 01/2025/NQ-HĐQT ngày 06/01/2025	528.148.468.150					
14	Công ty TNHH Dabaco Thanh Hóa	Công ty con	2025	Số 01/2025/NQ-HĐQT ngày 06/01/2025	296.321.840.740	13.886.543.845	38.707.321.080	212.940.274.776	135.932.195.424	
15	Công ty TNHH Đầu tư & Phát triển chăn nuôi gia công	Công ty con	2025	Số 01/2025/NQ-HĐQT ngày 06/01/2025	86.988.622.700		7.362.354.417		4.846.389.649	
16	Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Hiệp Quang	Công ty con	2025	Số 01/2025/NQ-HĐQT ngày 06/01/2025	28.347.918.521			12.537.204.658		
17	Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại Bắc Ninh	Công ty con	2025	Số 01/2025/NQ-HĐQT ngày 06/01/2025	5.482.953.681	3.534.284.480	10.250.732.936		654.978.869	
18	Công ty TNHH Cảng & Logistics Tân Chí	Công ty con	2025	Số 01/2025/NQ-HĐQT ngày 06/01/2025	16.757.110.965		1.050.146.724	2.012.599.524		
19	Công ty TNHH thức ăn chăn nuôi Dabaco Bình Phước	Công ty con	2025	Số 01/2025/NQ-HĐQT ngày 06/01/2025	18.815.435.039	409.742.291				

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết/Quyết định của HĐQT/HĐQT thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành)	Tổng giá trị giao dịch mua bán hàng hóa/dịch vụ (đồng)	Tổng giá trị giao dịch phân bổ lãi vay (đồng)	Tổng giá trị phân bổ chi phí sử dụng tài sản (đồng)	Tổng giá trị lợi nhuận được chia (đồng)	Tổng giá trị điều chuyển tài sản (đồng)	Ghi chú
20	Công ty cổ phần Transeco	Công ty liên kết	2025	Số 01/2025/NQ-HĐQT ngày 06/01/2025	27.060.875.510					Giám đốc là người có liên quan của Chủ tịch HĐQT DBC
21	Công ty TNHH Du lịch & Khách sạn Le Indochina	Công ty con	2025	Số 01/2025/NQ-HĐQT ngày 06/01/2025			2.295.182.376			
22	Công ty TNHH Dầu tư và Phát triển Cụm công nghiệp Khúc Xuyên	Công ty con	2025	Số 01/2025/NQ-HĐQT ngày 06/01/2025				139.473.672		Ông Lê Minh Tuấn - Phó TGĐ DBC làm Giám đốc
23	Công ty TNHH phân bón hữu cơ Việt Nhật	Công ty con	2025	Số 01/2025/NQ-HĐQT ngày 06/01/2025			1.457.287.296	2.104.130.571		
24	Công ty TNHH Dầu tư xây dựng đường H2 thành phố Bắc Ninh	Công ty con	2025	Số 01/2025/NQ-HĐQT ngày 06/01/2025						Ông Lê Minh Tuấn - Phó TGĐ DBC làm Giám đốc